

**NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐỒNG HÀNH CÙNG CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
GÓP Ý XÂY DỰNG FS HỢP LÝ, HIỆU QUẢ**



Bà Chu Thị Vân Anh

Phó Chủ tịch, Hiệp hội Bia-Rượu-Nước giải khát Việt Nam (VBA)

Tp. HCM, ngày 28/7/2023

**MỤC
ĐÍCH**



Đồng hành với Chính phủ trong việc thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường; xây dựng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.



Góp ý để có định mức chi phí tái chế Fs khoa học và hợp lý với điều kiện thực tiễn Việt Nam.





Nội dung







1. Dự thảo mới đã điều chỉnh định mức chi phí tái chế Fs, nhưng nhiều Fs vẫn còn cao
2. Phân tích một số nguyên nhân chính dẫn tới Fs đang được đề xuất cao
3. Các tác động nếu Fs cao
4. Kiến nghị của ngành đồ uống

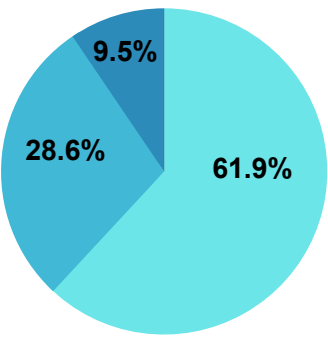


Internal


KHẢO SÁT VỀ EPR CỦA VBA

- **100%** các doanh nghiệp đều ủng hộ việc cần thiết phải tái chế bao bì, sản phẩm để tận dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.
- **61,9%** doanh nghiệp mới nghe nói đến các quy định EPR trong 1 năm qua.
- **80%** doanh nghiệp cho biết có nhiều khó khăn trong thực hiện:

-  Hướng dẫn thực hiện
-  Chi phí
-  Tìm đơn vị tái chế
-  Nhân lực



Thời gian	Phần trăm
Trong vòng 1 năm qua	61.9%
Từ 1-3 năm qua	28.6%
Từ 3-5 năm qua	9.5%



Internal

1

Đề xuất Fs đã phù hợp hơn, nhưng vẫn còn cao



Đề xuất Fs đã có điều chỉnh, nhưng vẫn còn cao

Tên vật liệu	Dự thảo 27/4	Dự thảo 26/7	Trung bình Fs (PRO- so sánh thị trường*)	Trung bình Fs 14 nước Tây Âu**	Nhận xét
Nhôm	6.180 (hệ số 0,3)	3468 (hệ số 0,2)	1.250	2.749 (0.107 EUR)	Cao hơn TB 14 nước Tây Âu 1,26 lần Đề nghị hệ số = 0 hoặc 0,1 vì tái chế lõi
Sắt	4.378 (hệ số 0,5)	3.672 (hệ số 0,4)	1.750		Hệ số cho sắt phải bằng nhôm (0 hoặc 0,1) vì đều là kim loại, tái chế lõi
Giấy	2.750 (hệ số 0,3)	1938 (hệ số 0,2)	1.900		Đề nghị hệ số = 0 hoặc 0,1 vì tái chế lõi
Giấy hỗn hợp	10.815 (hệ số 1)	6548 (hệ số 0,6)	2.500	7.787 (0.303 EUR)	Đề nghị xem xét hệ số 0,2 hoặc 0,3 để tương đương các nước (giống PRO)
Thủy tinh	2421 (hệ số 1)	2.020 (hệ số 0,6)		951 (0.037 EUR)	Cao hơn TB 14 nước Tây Âu 2,12 lần. Đề nghị hệ số = 0.2 theo CGTV

Lưu ý rằng chi phí tái chế của EU chắc chắn cao hơn nhiều của Việt nam vì nếu công nghệ tái chế như nhau thì do chi phí nhân công EU rất cao (lượng tối thiểu ở Pháp là 1539 EUR ~ 40 triệu đồng/tháng, cao gấp 10 lần lượng tối thiểu ở Việt nam khoảng 4 triệu đồng/tháng).

*Theo Nghiên cứu của Liên minh Tái chế Việt nam PRO, phương pháp so sánh thị trường các nước trên thế giới)

** Fs của 14 nước Tây Âu: Austria, France, Belgium, Germany, the Netherland, Luxembourg, Ireland, Finland, Portugal, Spain, Italy, Sweden, Greece, Cyprus theo Báo cáo của Văn phòng EPR ngày 28/6/2023



Đề xuất Fs đã có điều chỉnh, nhưng vẫn còn cao

Tên vật liệu	Dự thảo 27/4	Dự thảo 26/7	Trung bình Fs (PRO-phương pháp tính toán*)	Trung bình Fs 10 nước Đông Âu**	Nhận xét
Nhựa cứng PET, HDPE	3322 (HS 0.3) 5794 (HS 0.5)	3.958 (hệ số 0,4)	3750		Đề nghị hệ số 0,1 với PET và 0,2 với HDPE vì tái chế lái và khuyến khích chuyển HDPE sang PET để tái chế hơn
Đơn vật liệu mềm	7.674 (hệ số 1)	6365 (hệ số 0,6)	3500	5.088 (0.198 EUR)	Đề nghị xem xét hệ số 0,3 để gần giống các nước Đông Âu và PRO
Đa vật liệu mềm	7.571 (hệ số 1)	8731 (hệ số 0,8)	4250	5.088 (0.198 EUR)	Đề nghị xem xét hệ số 0,5 để gần giống các nước Đông Âu và PRO

Thực tế các bao bì nhôm, sắt, giấy carton, nhựa cứng như chai PET... đã được thu hồi hầu như hoàn toàn, hầu như không có nguy cơ với môi trường, nhà tái chế chính thức (không bao gồm các làng nghề) đều có lái. Theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn hệ số điều chỉnh bằng 0 mới là hợp lý. Hệ số 0,1 là để hỗ trợ thu gom cho những vùng sâu, vùng xa.

*Theo Nghiên cứu của Liên minh Tái chế Việt nam PRO, phương pháp so sánh thị trường các nước trên thế giới)

** Fs của 10 nước Đông Âu năm 2022: Bulgaria, Czech, Estonia, Latvia, Hungary, Lithuania, Poland, Romania, Serbia, Slovenia theo Báo cáo của Văn phòng EPR ngày 28/6/2023



2

Phân tích một số nguyên nhân chính dẫn tới Fs đang được đề xuất cao



2

Phân tích một số nguyên nhân chính dẫn tới Fs đang được đề xuất cao



2.1. Nghiên cứu Fs của CGTV và HHTC có nhiều số liệu cho cùng 1 loại chi phí khác xa nhau, thiếu độ tin cậy

	CGTV	HHTC	Nhận xét
Chi phí thu gom, phân loại			
Bao bì giấy	800	1500	HHTC cao gấp 1,9 lần
Bao bì nhôm	1500	15000	HHTC cao gấp 10 lần (*đã sửa 21/5)
Bao bì PET cứng	1000	2000	HHTC cao gấp 2 lần
Chi phí vận chuyển			
Bao bì giấy	500	300	IFC cao hơn 1,7 lần
Bao bì PET cứng	500	1000	HHTC cao gấp 2 lần
Chi phí xử lý tái chế			
Bao bì nhựa mềm đơn lớp	8500	3900	HHTC thấp hơn 2 lần, nhưng so với số liệu báo cáo trước đây của IFC (1600-2000) thì HHTC cao gấp 2 lần
Bao bì nhựa mềm đa lớp	9000	3200	HHTC thấp hơn 3 lần, nhưng so với số liệu báo cáo trước đây của IFC (2000-2500) thì HHTC cao gấp 1,5 lần

Internal

2

Phân tích một số nguyên nhân chính dẫn tới Fs đang được đề xuất cao



2.2. Fs đề xuất chưa theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, có thể dẫn tới sẽ chưa “tính đúng, tính đủ”.

- Công thức tính Fs hiện nay hoàn toàn bỏ qua giá trị sản phẩm thu hồi được sau tái chế.
- Với những vật liệu giá trị thu hồi cao như nhôm, giấy carton, nhựa cứng: nhà tái chế chính thức đang có lãi** → Việc yêu cầu NSX đóng góp để hỗ trợ nhà tái chế đang có lãi là chưa hợp lý, vì giá cả hàng hóa sẽ tăng khi không cần thiết, người tiêu dùng chịu thiệt hại
- Với những **vật liệu giá trị thu hồi thấp**, như túi ni-lon, bao bì giấy hỗn hợp: ít được tái chế vì lỗ, nguy cơ với môi trường cao → **cần NSX đóng góp hỗ trợ nhà tái chế**

Loại bao bì	Giá mua phế liệu đ/kg	Tổng chi phí tái chế (đ/kg)	Giá bán vật liệu tái chế	Lãi (đ/kg)
Bao bì nhôm	24.000	20000	54.000	3.000 (hệ số thu hồi 1,3)
Bao bì sắt	10.000	8.500	25.000	2.000 (hệ số thu hồi 1,3)
Giấy carton	4.000	8900	15.000	2.000
Bao bì PET cứng (nhựa giá trị cao)	3.000	10750	15.000 (nhựa mảnh)	1.250

Internal

2

Phân tích một số nguyên nhân chính dẫn tới Fs đang được đề xuất cao



- > 2.3. Chi phí quản lý hành chính bao gồm cả 2 nguồn: lãi suất ngân hàng + 2% phí EPR là khá cao, dễ dẫn đến nguy cơ chậm giải ngân để lấy lãi. **Riêng với 6127 tỷ của 3 loại bao bì đã có: 367 tỷ (lãi ngân hàng 6% năm) + 122 tỷ (2% phí EPR) = 489 tỷ/năm**
- > **Phí quản lý hành chính cao**, Văn phòng EPR chỉ làm theo nguyên tắc kiêm nhiệm.

Điểm b, khoản 4, Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường: "Đóng góp tài chính được sử dụng để **hỗ trợ cho hoạt động tái chế sản phẩm, bao bì** quy định tại Khoản 1 điều này".

Luật BVMT không quy định khoản đóng góp này được dùng để chi trả cho chi phí quản lý hành chính.



Mặt khác, khoản 1 Điều 82 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: có nhiều mẫu thuẫn khi câu trên quy định "Tiền đóng góp tài chính được sử dụng để hỗ trợ tái chế... và chi phí QLHC" nhưng câu dưới lại quy định "**Lãi tiền gửi ngân hàng của số tiền đóng góp tài chính** được sử dụng cho chi phí quản lý hành chính".

Trong cùng 1 khoản của Nghị định nhưng chưa nhất thống.

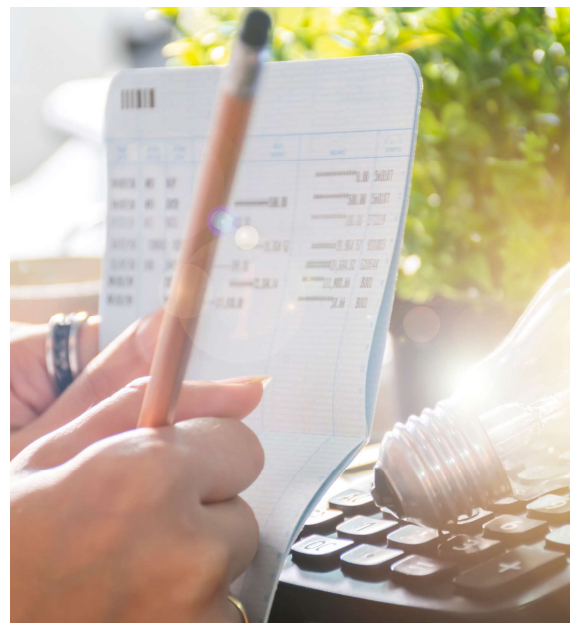


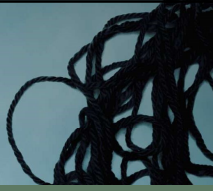
Hiện nay Bộ TNMT đang lấy ý kiến sửa ND 08. Kiến nghị xem xét sửa khoản 1 điều 82 để phí quản lý hành chính chỉ lấy từ 1 nguồn, và ở mức hợp lý, ví dụ 1%, và bãi bỏ việc lấy từ tiền lãi ngân hàng

Internal

3


Các tác động nếu Fs cao bất hợp lý





Nếu Fs cao bất hợp lý, giá sản phẩm sẽ tăng cao trong khi lợi ích với môi trường là không có

- DN khó khăn
- Người tiêu dùng phải chi trả cho việc tăng giá bất hợp lý



MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ THEO Fs ĐỀ XUẤT

Tên mặt hàng	Giá bán buôn	Fs 27/4	Fs 26/7	Đóng góp tái chế (đ)		% tăng giá*	
				27/4	26/7	27/4	26/7
Nước đóng chai PET 500 ml	3750	3322	3958	51	61	1,36%	1,62%
Lon bia 330ml	9600	6180	3468	41	23	0,43%	0,24%



Mức tăng giá này mới chỉ tính chi phí tái chế bao bì đóng gói trực tiếp. Nếu tính cả chi phí tái chế bao bì đóng gói gián tiếp (thùng, hộp carton), chi phí tái chế thiết bị, phương tiện vận chuyển thì mức tăng giá còn cao hơn nhiều.



Internal

Gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp

Loại bao bì	Phí EPR dự thảo Fs 27/4	Phí EPR dự thảo Fs 26/7	Tính riêng các loại bao bì giá trị thấp cần hỗ trợ tái chế (theo dự thảo 26/7)
KIM LOẠI: LON NHÔM: 11.153 tỷ lon nhôm x 0.22x0.030x6180 = 455 tỷ LON SẮT: 60.000 tấn x 0,2 x 4378 = 52 tỷ	507 tỷ	255 tỷ + 44 tỷ = 299 tỷ	Nhôm, sắt được thu mua và tái chế hết ngay khi chưa có phí EPR đã có lãi lớn. Không cần phí EPR hỗ trợ
GIẤY: 6 triệu tấn bao bì giấy mỗi năm, VD 75% bao bì carton, phí EPR là 4.5 x 0,20 x 2750 = 2475 tỷ 25% giấy hỗn hợp, phí EPR là 1.5 x 0.15 x 10.815 = 2433 tỷ	4908 tỷ	3217 tỷ	Bao bì carton được thu mua và tái chế hết ngay khi chưa có phí EPR. Chỉ cần EPR cho giấy hỗn hợp (1473 tỷ)
NHỰA: 3,5 triệu tấn bao bì nhựa mỗi năm VD 20% bao bì nhựa cứng PET, phí EPR là 0.7x0.22x3322 = 512 tỷ 20% bao bì nhựa cứng khác, phí EPR là 0.7x0.15x5794 = 608 tỷ 60% bao bì nhựa mềm, phí EPR là 2.1x0.1x7571 = 1590 tỷ	2710 tỷ	2611 tỷ	Bao bì nhựa cứng được thu mua và tái chế hết ngay khi chưa có phí EPR. Chỉ cần EPR cho bao bì nhựa mềm (1590 tỷ)
TỔNG PHÍ EPR CHO 3 LOẠI BAO BÌ	8125 TỶ/NĂM	6127 TỶ/NĂM	Giá trị cao: 3064 tỷ. Đứng ra = 0 Giá trị thấp: 3063 TỶ/NĂM

Mặc dù dự thảo 26/7 đã giảm mức đóng góp cho 3 loại bao bì xuống còn 6127 tỷ/năm, đây vẫn là gánh nặng cho các DN và người tiêu dùng (và còn phí EPR cho nhiều loại bao bì, sản phẩm thải bỏ khác)



TRONG KHI KINH TẾ ĐANG RẤT KHÓ KHĂN:



1,07 triệu người
thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý II năm 2023



100.000 Doanh nghiệp
đóng cửa sau 6 tháng đầu năm

GÁNH NẶNG CHI CHO DOANH NGHIỆP

Các doanh nghiệp tái chế chính thức (không bao gồm làng nghề) các loại vật liệu: nhôm, sắt, giấy carton, nhựa cứng đều đang lãi.

Nếu Fs ở mức hợp lý và thấp hơn, thì chi phí tái chế sẽ giảm đi nhiều nghìn tỷ

➢ Hỗ trợ cho DN và người tiêu dùng

Internal

Chia sẻ thêm một số thông tin từ hội thảo 28/6





VN EXPRESS Thứ ba, 25/7/2023 Hà Nội 29 ° C Mới nhất Tin theo khu vực

Thời sự Góc nhìn Thế giới Video Podcasts Kinh doanh Bất động sản Khoa học Giải trí Thể thao Pháp

Thời sự > Chính trị Thứ tư, 19/7/2023, 20:13 (GMT+7)

13 năm không xong thủ tục đầu tư nhà máy xử lý rác

ĐÀ NẴNG- Dự án nhà máy xử lý rác 650 tấn/ngày xây dựng từ năm 2010 nhưng đến nay chưa xong thủ tục pháp lý, trong khi bãi rác sắp quá tải.

CÓ Ý KIẾN CHO RẰNG EPR KHÔNG LÀM TĂNG CHI PHÍ vì EPR không phải là bắt buộc, mà khuyến khích các DN tự tổ chức tái chế, không cần đóng phí EPR để tối ưu chi phí và hiệu quả tái chế.

Thực tế, để tự tái chế cần đầu tư rất lớn ra ngoài ngành, cần vốn, kinh nghiệm, công nghệ và giấy phép, thủ tục rất phức tạp, tốn kém thời gian và chi phí, liệu DN có đủ khả năng tự tái chế?



Đại đa số doanh nghiệp phải đi thuê DN tái chế hoặc nộp tiền. Cả 2 cách đều tốn chi phí. Chi phí này DN sẽ phải tính vào giá thành sản phẩm. Giá thành cao, DN khó khăn, và người tiêu dùng phải chi trả.

→ NHƯ VẬY LÀ EPR SẼ LÀM TĂNG G NẶNG CHI PHÍ CHO DN



PHÍ TÁI CHẾ LON NHÔM Ở HỆ THỐNG DRS CỦA ĐAN MẠCH LÀ 0 Đ VÀ NA UY LÀ -133 Đ (DN KHÔNG PHẢI NỘP TIỀN MÀ CÒN ĐƯỢC NHẬN 0,03 KRONE ~133 Đ CHO MỖI LON NHÔM BÁN RA), đạt 100% kinh tế tuần hoàn.

CÓ Ý KIẾN CHO RẰNG DRS KHÔNG PHẢI LÀ EPR?

THỰC TẾ:

Tài liệu của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) trong cuộc họp với Bộ TNMT ngày 18/5/2023 cho biết

DRS là hệ thống trong đó người tiêu dùng trả một khoản tiền đặt cọc nhỏ khi mua sản phẩm chai nhựa hoặc lon đồ uống. Phần tiền đặt cọc sẽ được hoàn khi họ mang gửi lại vỏ hộp tại điểm thu gom được chỉ định...Được coi là hình mẫu về thu hồi và tái chế vỏ hộp, DRS của Na Uy là một trong những mô hình hoạt động hiệu quả trên thế giới, gắn liền cùng cơ chế thực hiện EPR”

<https://www.undp.org/vi/vietnam/press-releases/nhom-ky-thuat-thuc-day-doi-moi-sang-tao-va-khoi-nguon-tai-chinh-trong-giam-thieu-rac-thai-nhua>

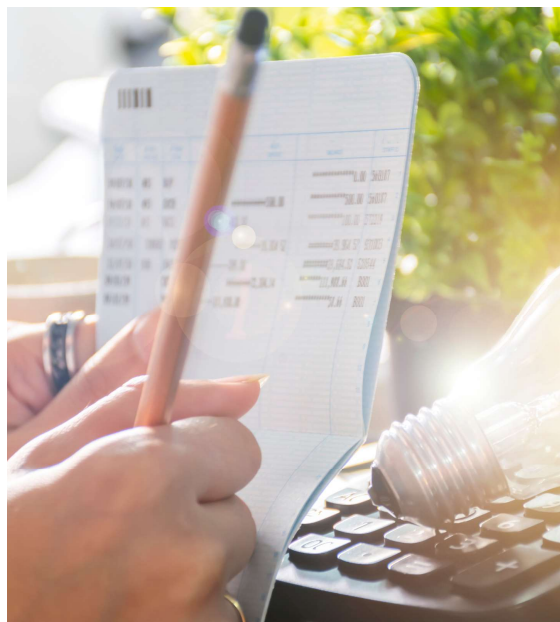
Như vậy:

Rõ ràng DRS là 1 trong các công cụ của EPR. Nói DRS không phải là EPR là không có cơ sở. Đúng ra, phải nói là “DRS và PRO là 2 công cụ EPR khác nhau”.

Đề xuất hệ số điều chỉnh $F_s = 0$ với các vật liệu có giá trị thu hồi cao hơn chi phí tái chế là hợp lý, dù theo công cụ EPR nào.



4

Kiến nghị của ngành
đề xuất về Fs

Fs hợp lý, phù hợp thực tiễn, điều kiện Việt Nam để vừa bảo vệ môi trường hiệu quả, vừa hỗ trợ DN thực hiện tốt EPR và không ảnh hưởng tới người tiêu dùng



Áp dụng hệ số điều chỉnh 0 hoặc 0,1 cho các bao bì, sản phẩm có giá trị vật liệu thu hồi cao hơn chi phí tái chế như nhôm, sắt, giấy carton, nhựa cứng (theo nguyên tắc đảm bảo bù chi phí của OECD).



Các vật liệu khác: áp dụng hệ số 0,2 cho chai thủy tinh (theo đề xuất của CGTV ngày 23/3/2023).

Hệ số 0,3 cho bao bì đơn vật liệu mềm, 0,5 cho bao bì đa vật liệu mềm để Fs **gần giống các nước Đông Âu và giống tính toán của PRO**.

Xem xét điều chỉnh chi phí quản lý hành chính xuống 1%

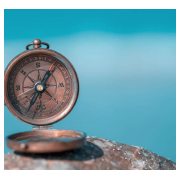
Đề nghị cho các Hiệp hội sản xuất-kinh doanh được tham gia vào xây dựng Fs, chứ không chỉ có các DN tái chế được tham gia



Thay đổi cách nộp từ nộp tạm ứng vào đầu năm 2024 sang nộp theo quyết toán số lượng thực tế khi kết thúc năm 2024 để DN vẫn thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế mà tháo gỡ được khó khăn về vốn cho DN



Được thực hiện trách nhiệm hỗn hợp với từng loại bao bì: tự tái chế + nộp tiền cho phần còn thiếu



Trong hai năm đầu (2024 và 2025): hướng dẫn thi hành, chưa xử phạt. Có cơ chế tạo thị trường cho vật liệu tái chế

Internal

- LỘ TRÌNH EPR PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN
- Tháo gỡ khó khăn cho DN theo đúng **NQ 105/NQ-CP** ngày 15/7/2023 của Chính phủ: “**tháo gỡ khó khăn cho SX-KD, giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền**” và chỉ đạo của **Bộ Chính trị** ngày 21/7/2023: “**tập trung hỗ trợ người dân, DN giảm áp lực chi phí, thúc đẩy sản xuất**”



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!



HIỆP HỘI BIA-RƯỢU-
NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM (VBA)

Tầng 2, 94 Lò Đúc, Hà Nội, Việt Nam
Tel. 84 24 3 8218433 | Web.
<http://vba.com.vn/>



PHÍ TÁI CHẾ 10 NƯỚC ĐÔNG ÂU THEO SỐ LIỆU CỦA VĂN PHÒNG EPR NGÀY 28/6/2023

TÂY ÂU	Rate in EUR/kg excl.VAT	2023				
		PET Transparent	Bev cartons	Alu	Glass	hard - to - recycle plastic
1	Austria (ARA)	0.78	0.75	0.34	0.095	0.78
2	Belgium (FOSTPLUS)	0.434	0.617	0.023	0.058	1.376
3	France (EcoEmballages/CITEO)	0.326	0.249	0.126	0.013	0.468
4	Germany (Der Grune Punkt)	0.017	0.013	0.013	0.001	0.017
5	Netherlands (Afvalfonds Verpakkingen)	0.79	0.7	0.16	0.06	1.05
6	Luxembourg (Valorlux)	0.123	0.327	0.029	0.016	1.162
7	Ireland (Repak)	0.103	0.103	0.058	0.011	0.292
8	Finland		0.201	0.096	0.098	0.275
9	Portugal (Sociedade Ponto Verde)	0.114	0.232	0.024	0.02	0.114
10	Spain (Ecoembes)	0.423	0.502	0.048	0.03	0.904
11	Italy	0.15	0.075	0.015	0.037	0.546
12	Sweden (FTI)	0.49		0.54		0.77
13	Greece (H.E.R.R.Co)	0.071	0.056	0.011	0.019	0.071
14	Cyprus (Green Dot)	0.101	0.117	0.02	0.028	0.1
	Mean		0.303	0.107	0.037	
	Tỷ giá 1 EUR = 25.700 VND		7787	2749	951	

Internal

PHÍ TÁI CHẾ 10 NƯỚC ĐÔNG ÂU THEO SỐ LIỆU CỦA VĂN PHÒNG EPR NGÀY 28/6/2023

ĐÔNG ÂU	Rate in EUR/kg excl.VAT	2022				
		PET Transparent	Bev cartons	Alu	Glass	hard - to - recycle plastic
1	Bulgaria (Ecopack)	0.089	0.099	0.046	0.095	0.089
2	Czech Rep (FKOKOM)	0.488	0.355	0.182	0.117	0.488
3	Estonia (ETO)	0.409	0.105	0.256	0.102	0.409
4	Hungary (Okopannon)	0.186	0.062	0.062	0.062	0.186
5	Latvia (Latvijas Zalais Punkt)	0.178		0.071	0.098	0.178
6	Lithuania	0.29	0.215	0.071	0.113	0.274
7	Poland (Rekopol)	0.001		0	0.001	0.001
8	Romania (ECOROM AMBALANCE)	0.148		0.145	0.098	0.079
9	Serbia (Sekopak)	0.053	0.032	0.028	0.068	0.053
10	Slovenia (Slopak)	0.185	0	0.175	0	0.219
	Mean	0.203	0.124	0.104	0.075	0.198
	Tỷ giá 1 EUR = 25.700 VND					5089

Internal